

VTS 2019 - ULTRA - FEMALE

Ranking	VTM Points	VJM Points	VMM Points	Final VTS Points (best 2 results)	Full Name	Nation
1	780	424	860	1640	Đường Nguyễn Thị	Viet Nam
2	615		1024	1639	Hien Tran	Czech Republic
3	645	700	780	1480	Constance Louasse	France
4		453	889	1342	Huyền Hà	Viet Nam
5			1300	1300	Charmaine Thompson	Australia
6	430		826	1256	Thủy Phạm Thị Hồng	Viet Nam
7	724	480		1204	Luu Phuong Anh Dang	Viet Nam
8			1160	1160	Coline Drain-Martin	France
9			1080	1080	Tian Qi Ong	Malaysia
10	1000			1000	Jo Meek	United Kingdom
10		1000		1000	Veronika Vadovicova	Slovakia
10			1000	1000	Jcy Ho	Hong Kong
13			980	980	Khoo Leanchee	Malaysia
14		494	479	973	Bui Van Anh	Viet Nam
15			945	945	Siti Zaharah Abdullah	Malaysia
16			915	915	Mee Koon Cheng	Malaysia
17	494		420	914	Vu Thi Lan Huong	Viet Nam
18	441	466		907	Trang Tran	Viet Nam
19			866	866	Xuân Sương Lê	Viet Nam
20	860			860	Louison Viard	France
20		860		860	Vanja Cnops	Belgium
22			845	845	Wannakorn Sitklang	Thailand
23			809	809	Trà My Cung Thị	Viet Nam
24			794	794	Mai Liên Phạm	Viet Nam
25		780		780	Fredelyn Alberto	Philippines
26		724		724	Laura Marie Sommer Hulgaard	Denmark
26			724	724	Thi Hai Yen Vo	Viet Nam
28	680			680	Billinda Marshall	New Zealand
28		680		680	Nathalie Cochet	France
28			680	680	Vooi Oon Valerie Teh	Malaysia
31		645		645	Kam Suen Kitty Lee	Hong Kong
31			645	645	Carla Felany	Indonesia
33		615		615	Siok Har Lim	Malaysia
33			615	615	Thuy Nguyen	Viet Nam

VTS 2019 - ULTRA - FEMALE

Ranking	VTM Points	VJM Points	VMM Points	Final VTS Points (best 2 results)	Full Name	Nation
35		589		589	Hoa Banh	Australia
35	589			589	Olena Saiganova	Ukraine
35			589	589	Yen Keng Cheong	Malaysia
38		566		566	Evelyn Lek	Singapore
38	566			566	HEN NGUYEN THI	Viet Nam
38			566	566	Dianne Ditona	Philippines
41		560		560	Annika Johann	Germany
42		194	358	552	Thi Hong Van Nguyen	Viet Nam
43		545		545	Ka Yan Wong	Hong Kong
43	545			545	Phương Vy Lê	Viet Nam
43			545	545	Kate Shipton	Australia
46	526			526	Martine Chaillet	France
46		526		526	Sara Valentina	Indonesia
46			526	526	Thi Tuyet Mai Nguyen	Viet Nam
49		509		509	Ma. Khatrina Visperas	Philippines
49	509			509	Tamae Harada	Japan
49			509	509	Fiona Yeow	Singapore
52			494	494	Poo Lai Kuen	Malaysia
53		479		479	Carly Balmforth	United Kingdom
53	479			479	Tara Savage	United States
55	466			466	Aijing Liu	Switzerland
55			466	466	Masae Kato	Japan
57	453			453	Dolores Paez	Argentina
57			453	453	Thị Thái Linh Nguyễn	Viet Nam
59			441	441	Hélène Duquesnoy	France
60			430	430	Rina Ong	Singapore
61	420			420	Tieu Phuong Nguyen	Viet Nam
62	410			410	Siew Kim Ma	Singapore
62			410	410	Oi Mei Marie Tham	Singapore
64	400			400	Quyên Trần Thụy Đỗ	Viet Nam
64			400	400	Lieu Nguyen	Viet Nam
66	391			391	Ky Tam Anh Nguyen	Viet Nam
66			391	391	Yin Lye Theam	Malaysia
68			382	382	Mee Yee Choong	Malaysia
69		380		380	Xiomara Templeton	United States

VTS 2019 - ULTRA - FEMALE

Ranking	VTM Points	VJM Points	VMM Points	Final VTS Points (best 2 results)	Full Name	Nation
70			374	374	Quỳnh Thoa Đào Thị	Viet Nam
71			366	366	Cyndi Nguyen	United States
72			351	351	Vinh An Vu	Viet Nam
73		345		345	Cassandra Gash	Australia
74			344	344	Ai Meng Koh	Malaysia
75			337	337	Dieu Huong Pham	Viet Nam
76			330	330	Pranee Noppakij	Thailand
77			324	324	Phuong Linh Nguyen	Viet Nam
78			318	318	Phan Thanh	Viet Nam
79		315		315	Heather Pardue	United States
80			312	312	Minh Tú Võ	Viet Nam
81			306	306	Đỗ Ngọc Châu Trần	Viet Nam
82			300	300	Ling Tze Leong	Malaysia
83			295	295	Thi Trang Thanh Lieu Truong	Viet Nam
84		289		289	Marie Laurence Alice Douay	France
84			289	289	Pei Yee Teng	Malaysia
86			284	284	Sasiwimol Srithong	Thailand
87			279	279	Lan Anh Nguyễn	Viet Nam
88			274	274	Thu Hường Nguyễn	Viet Nam
89			273	273	Thị Phương Thảo Phạm	Viet Nam
90			272	272	Thi Thuy My Nguyen	Viet Nam
91			271	271	Nhung Thái Thị	Viet Nam
92			270	270	Nguyễn Thỏ	Viet Nam
93			269	269	Trần Thuận	Viet Nam
94			268	268	Phuong Nga Vu	Viet Nam
95			267	267	Nuchanart Sranganakhot	Thailand
96		266		266	Lisa Bourgogne	New Zealand
96			266	266	Thùy Linh Nguyễn	Viet Nam
98		245		245	Isabelle Bedard	Canada
99		226		226	Genie Agoilo	Philippines
100		209		209	Lai Peng Tan	Malaysia
101		179		179	Cassandra Ansari Hie	Singapore
102		166		166	Linh Le	Viet Nam